Tiết 19

 **ÔN TẬP CHƯƠNG III**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

- HS được củng cố các kiến thức về *tam giác đều, hình vuông, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân*

- Củng cố các công thức tính chu vi, diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên

**\* HSKT: Nhận biết các bài đơn giản**

**2. Về năng lực:**

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh tự ôn lại kiến thức về các hình phẳng; các công thức tính chu vi, diện tích; tự thực hiện nhiệm vụ mà giáo viên giao.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: So sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, biết lập luận hợp lí trước khi kết luận; điều chỉnh cách thức giải quyết vấn đề về phương diện toán học.

- Năng lực mô hình hóa toán học: Chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học liên quan đến đo chu vi, tính diện tích

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Nhận biết, phát hiện vấn đề cần giải quyết; đề xuất, lựa chọn được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề; sửa dụng được các kiến thức, kĩ năng toán học tương thích để giải quyết vấn đề đặt ra; ...

- Năng lực giao tiếp toán học: Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các thông tin toán học cần thiết; trình bày, diễn đạt được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học; sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học; ...

- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học: sử dụng thành thạo công cụ thước thẳng; phương tiện khoa học công nghệ.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên, yêu con người lao động (bài tập 8)

- Nhân ái: Tôn trọng sự khác biệt của những người xung quanh, không phân biệt đối xử giữa mọi người.

- Trung thực: Tôn trọng lẽ phải, ngay thẳng, thật thà.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm đến môi trường sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**-Thiết bị dạy học:** Bảng thông minh, máy tính xách tay, thước thẳng, phấn màu

**- Học liệu:** SGK, SBT, KHBD (word và powerpont).

**III. Tiến trình dạy học**

**A. Hoạt động 1: Khởi động**

a) Mục tiêu:

- HS hệ thống hóa lại các kiến thức đã học về các hình phẳng và công thức tính chu vi, diện tích

- Hình thành các năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học.

b) Nội dung: HS động não, sử dụng hiểu biết để thực hiện.

c) Sản phẩm: Các kiến thức về các hình phẳng trong chương III

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV chiếu sơ đồ tư duy đã vẽ sẵn các hình và yêu cầu HS cho biết nội dung kiến thức của mỗi hình

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Cả lớp quan sát sơ đồ tư duy

- HS dưới lớp xung phong trả lời.

- GV điều khiển để giúp HS thực hiện nhiệm vụ của HS.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Qua mỗi câu trả lời, HS dưới lớp nhận xét câu trả lời của bạn.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào nội dung bài tập

**B. Hoạt động 2: Luyện tập**

**Hoạt động 2.1: Dạng 1: Gấp hình**

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức về hình chữ nhật. Rèn kỹ năng vẽ hình, sự khéo léo. Hình thành các năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học, sử dụng các công cụ toán học.

b) Nội dung: Yêucầu HS hoạt động cá nhân, làm bài tập 1 (sgk/117).

c) Sản phẩm: HS tự thực hiện và tạo ra được hình hộp có nắp

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV giao cho HS thực hiện cá nhân làm bài 1 (sgk/117).

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS dưới lớp với sự chuẩn bị của mình quan sát hình 96, làm theo yêu cầu của GV.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Quan sát một số sản phẩm HS tạo ra, GV và HS dưới lớp nhận xét về sản phẩm của bạn.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức để chuyển sang Dạng tiếp theo.

**Hoạt động 2.2: Dạng 2: Tính chu vi**

a) Mục tiêu: Tiếp tục củng cố kiến thức về tính chu vi của một số hình phẳng.. Hình thành các năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học.

b) Nội dung: Yêucầu HS hoạt động nhóm làm bài tập 5 (sgk/117) GV chụp bài của HS, chiều lên bảng và chốt kiến thức.

c) Sản phẩm: HS tự thực hiện được bài tập 5 (sgk/117).

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV chia lớp thành 4 nhóm:+ Nhóm 1: Giải bt 5 phần a (sgk.117)+ Nhóm 2: Giải bt 5 phần b (sgk.117)+ Nhóm 3: Giải bt 5 phần c (sgk.117)+ Nhóm 4: Giải bt 5 phần d (sgk.117)**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**+ Các nhóm thảo luận, trao đổi tìm ra cách giải và kết quả.+ GV hướng dẫn, quan sát, giúp đỡ.**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**+ GV gọi đại diện 4 nhóm lên bảng trình bày.+ Các nhóm nhận xét, đánh giá chéo**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức để chuyển sang Dạng tiếp theo. | **Bài 5/sgk.117**a) Một hình thoi có cạnh 4cm thì chu vi của nó bằng: 4 x 4 = 16cmb) Một hình vuông có chu vi 40cm thì cạnh của nó bằng: 40 : 4 = 10 cmc) Một hình chữ nhật có chu vi 30 cm và chiều rộng là 7cm thì chiều dài của nó bằng: 8 cmd) Một hình chữ nhật có chu vi 36 cm và chiều dài gấp đôi chiều rộng thì chiều dài bằng 12cm, chiều rộng bằng 6cm |

**Hoạt động 2.3: Dạng 3: Tính diện tích**

a) Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức trong bài học để tìm tòi, mở rộng kiến thức và giải quyết các vấn đề thực tế có liên quan tới tính diện tích, chu vi. Hình thành năng lực tư duy và lập luận, năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực mô hình hóa toán học.

b) Nội dung: HS thực hiện hoạt động theo nhóm và cá nhân để giải quyết bài toán thực tế.

c) Sản phẩm: HS giải được Bài toán GV đưa ra

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV: Chiếu bài tập và hướng dẫn HS **Bài 8.sgk118**- HS tiếp nhận nhiệm vụ từ GV.**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS thực hiện các nhiệm vụ được giao.**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- HS trao đổi nội dung hoạt động của nhóm, nhóm khác đánh giá bài của nhóm bạn . **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** **-** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và  | B**ài 8.sgk118**a) Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là:  28 . 24 = 672 (m2)b) Quan sát hình 99, ta thấy sau khi bớt ra một phần đường đi thì phần vườn trồng hoa có dạng hình chữ nhật với:Chiều dài phần vườn trồng hoa là: 28 – 1 – 1 = 26 (m)Chiều rộng phần vườn trồng hoa là: 24 – 1 – 1 = 22 (m)Diện tích phần vườn hoa là: 26 . 22 = 572 (m2)c) Diện tích phần đường đi chính là hiệu diện tích mảnh đất với diện tích phần vườn hoa. Do đó diện tích phần đường đi là: 672 – 572 = 100 (m2)Đổi 100 m2 = 1 000 000 cm2 Một viên gạch hình vuông có diện tích là:  50 . 50 = 2 500 (cm2) Cần dùng số viên gạch là: 1 000 000 : 2 500 = 400 (viên gạch)d) Phần chiều dài hàng rào xung quanh vườn hoa chính là chu vi phần vườn hoa có dạng hình chữ nhậtVậy chiều dài hàng rào là: (22 + 26) . 2 = 96 m.  |

**3. Hoạt động 3: Vận dụng**

**Dạng 4: Đối xứng**

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức về đối xứng tâm, đối xứng trục. Rèn kỹ năng nhận ra các yếu tố đối xứng với nhau trên mỗi hình có tính đối xứng. Hình thành các năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học, sử dụng các công cụ toán học.

b) Nội dung: Yêucầu HS hoạt động theo nhóm tổ, làm bài tập 2 (sgk/117).

c) Sản phẩm: Các nhóm trả lời đáp án ra bảng nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV chia lớp thành 5 nhóm:+ Nhóm 1: (1) Đoạn thẳng AB + Nhóm 2: (2) Tam giác đều ABC+ Nhóm 3: (3) Hình tròn tâm O+ Nhóm 4: (4) Hình thang cân ABCD ( CD là đáy lớn)+ Nhóm 5: (5) Hình thoi ABCD**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**+ Các nhóm thảo luận, trao đổi tìm ra cách giải và kết quả.+ GV hướng dẫn, quan sát, giúp đỡ.**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**+ GV gọi đại diện 5 nhóm lên bảng trình bày.+ Các nhóm nhận xét, đánh giá chéo**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến. | **Bài 2/sgk.117**a) Hình có trục đối xứng:+(1) Đoạn thẳng AB: Là đường thẳng đi qua trung điểm và vuông góc với AB.+(2) Tam giác đều ABC: Là đường thẳng đi 1 đỉnh và trung điểm cạnh đối diện với đỉnh đó.+(3) Hình tròn tâm O: Là đường thẳng đi qua tâm O.+ (4) Hình thang cân ABCD ( CD là đáy lớn): Là đường thẳng đi qua trung điểm của 2 đáy.+ (5) Hình thoi ABCD: Là đường thẳng đi qua 2 đỉnh đối diện ( 2 đường chéo)b) Hình có tâm đối xứng:+(1) Đoạn thẳng AB: Là trung điểm của AB.+(3) Hình tròn tâm O: Là tâm O.+ (5) Hình thoi ABCD: là giao của 2 đường chéo. |

**Dạng 5: Ứng dụng tính đối xứng trong thực tế**

a) Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức về đối xứng tâm, đối xứng trục để tìm tòi, mở rộng kiến thức và giải quyết các vấn đề thực tế. Hình thành năng lực tư duy và lập luận, năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết vấn đề.

b) Nội dung: HS thực hiện hoạt động theo nhóm và cá nhân để làm bài 4 SGK/117.

c) Sản phẩm: HS trả lời được bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV: Chiếu bài tập Bài 4.sgk117**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS dưới lớp xung phong trả lời.- GV điều khiển để giúp HS thực hiện nhiệm vụ của HS.**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- Qua mỗi câu trả lời, HS dưới lớp nhận xét câu trả lời của bạn.**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:** **-** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt  | **Bài 4.sgk117**Một số ứng dụng của tính đối xứng trong thực tiễn: Xây dựng, họa tiết trang trí, vẽ tranh, gấp giấy, cắt chữ, ô tô,…. |

* **Hướng dẫn về nhà:**

+ Xem lại các dạng bài đã làm.

+ Về nhà làm bài tập còn lại trang 117, 118

+ Đọc trước bài mới.